

HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT HOÀNG ĐẾ TRONG THƠ VINH SỬ VIỆT NAM THẾ KỈ X - XV

Trịnh Huỳnh An

Trường Đại học Bình Dương

Ngày nhận bài 18/02/2020, ngày nhận đăng 29/4/2020

Tóm tắt: Thời trung đại, thể tài thơ vịnh sử được xem là loại hình sáng tác tiêu biểu cho văn học Nho gia tại các nước Đông Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam... Thể tài thơ vịnh sử bắt đầu xuất hiện từ thế kỉ XIII và từng bước giữ vị trí khá quan trọng trong nền văn học trung đại Việt Nam. Với mục đích giáo huấn, thể tài thơ vịnh sử được các hoàng đế lựa chọn sáng tác để răn dạy chính mình cũng như các triều thần. Về sau, cùng sự thay đổi của bối cảnh lịch sử, xã hội, thể tài thơ vịnh sử đã có nhiều bước phát triển mới phù hợp với thời đại.

Từ khóa: Thời trung đại; thơ vịnh sử; văn học Nho gia.

1. Mở đầu

Giai đoạn thế kỷ X - XV, Đại Việt đánh dấu những bước chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Từ thế kỉ X, người Việt Nam đã giành được độc lập sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc. Đất nước giành độc lập đã mở ra trang sử mới cho dân tộc. Vấn đề cấp bách lúc này là phải xây dựng chính quyền tự trị của người Việt Nam. Mô hình chế độ quân chủ chuyên chế được xem là lựa chọn tất yếu trong bối cảnh lịch sử xã hội Đại Việt đương thời. Theo đó, vấn đề lựa chọn mẫu hình hoàng đế có tầm quan trọng và cấp thiết hàng đầu. Trong xã hội quân chủ, hoàng đế được xem là một nhân vật đặc biệt, nhất là đặt dưới sự biến động của lịch sử, những triều đại lần lượt thay thế nhau, tuy nhiên vị trí của hoàng đế vẫn là “biểu tượng” của một hình thái kinh tế - xã hội.

Giai đoạn này, xã hội Đại Việt có sự thay đổi lớn trong hệ tư tưởng từ Phật giáo sang Nho giáo. Tuy nhiên, dù xã hội được vận hành theo hệ tư tưởng nào, thì sứ mệnh chung của hoàng đế phải là người cai trị có nhân đức. Khổng Tử quan niệm “khắc kỷ phục lễ”, hoàng đế ngồi ở ngôi vị tối cao, vì thế ông ta phải có phẩm đức tương ứng với vị thế trong xã hội mới thu phục được nhân tâm, trăm họ sẽ phục tùng và xã hội mới đạt đến thái bình thịnh trị.

Nho giáo và thuyết Chính danh đã đem đến cho hoàng đế một thứ “siêu quyền lực”: thể thiên hành đạo. Đại Việt chịu sự chi phối của nền triết học phương Đông cổ đại, đề cao sự thống nhất giữa con người và vũ trụ theo quan điểm “thiên - địa - nhân hợp nhất”. Trong đó, hoàng đế đóng vai trò là gạch nối giữa cõi trời và cõi người, thượng giới và hạ giới. Vì thế mọi ý đồ hay hành động nhằm tranh giành ngôi báu, quyền lực của hoàng đế đều được xếp vào trọng tội loạn thần tặc tử và làm trái mệnh trời. Văn chương Việt Nam sơ kì trung đại có tính đa chức năng, vừa mang tính nghệ thuật vừa bao hàm yếu tố văn hóa chính trị. Nó được xem là phương tiện đề củng cố và xây dựng chế độ quân chủ. Chính vì có một vị thế đặc biệt trong xã hội nên hoàng đế cũng đã trở thành một nhân vật đặc biệt trong sáng tác văn học. Các tác giả đã đem đến văn chương một cảm hứng ngợi ca, tin tưởng tha thiết vào xã hội “Nghiêu Thuấn” với vua sáng tôi hiền. Đề bảo vệ nền quân chủ, các tác giả văn học đã cùng nhau giữ vững chế độ bằng thuyết thiên mệnh, đề cao vai trò thiên tử của hoàng đế. Trong đó, thể tài thơ vịnh sử được xem là một trong những công cụ đắc lực để thực hiện nhiệm vụ chính trị này.

Theo quan điểm Nho giáo, hoàng đế phải có nhân cách lí tưởng “nội thánh, ngoại vương”, tức là phải đạt đến phẩm chất của một thánh nhân. Các hoàng đế muốn đất nước thái bình, thịnh trị phải tự mình làm gương trước dân, không ngừng trau dồi phẩm chất về đức. Xác định được vai trò của đức trị và văn trị, chế độ quân chủ mà cụ thể là các hoàng đế rất quan tâm đến chức năng giáo huấn trong sáng tác để tự nhắc nhở, động viên bản thân không ngừng trui rèn nhân cách. Thơ vịnh sử đã trở thành thể tài để hoàng đế thể hiện những khát vọng trên con đường trị vì.

2. Thơ vịnh sử trong văn học trung đại Việt Nam sơ kì trung đại

Bùi Duy Tân khái quát về thơ vịnh sử: “Thơ vịnh sử là thơ vịnh nhân vật, sự kiện, di tích lịch sử để ngôn chí, khiển hoai với ngụ ý chặt chẽ, nhằm nêu gương lịch sử để giáo hóa người đời” (Trần Ngọc Vương, 1997, tr. 507). Về góc độ thi pháp, thơ vịnh sử là loại thơ ngôn chí, tải đạo thể hiện chức năng giáo huấn, mang tính điều cố thương kim, dùng xưa để nói nay. Thơ vịnh sử thống nhất giữa chân thực lịch sử và hiện thực cuộc sống. Thể tài này có sự dung hoà trong thơ có sử, trong sử có thơ. Việc nêu gương xưa ngoài việc giáo huấn còn là câu nối giữa quá khứ và hiện tại. Tính chất này là một sự tương tác tạo nên sự thống nhất giữa chân thực lịch sử và đời sống hiện thực.

Thơ vịnh sử đã manh nha xuất hiện vào đời Trần và Trần Anh Tông được xem là tác giả khởi đầu về thể tài này. Thơ vịnh sử giai đoạn này còn hạn chế về số lượng, trong đó hoàng đế Trần Anh Tông có sáu bài: *Hán Cao Tổ*, *Hán Văn Đế*, *Hán Vũ Đế*, *Hán Quang Vũ*, *Đường Túc Tông*, *Tống Độ Tông*. Ngay từ tiêu đề mỗi tác phẩm, thơ vịnh sử thời Trần đã cho độc giả nhận thấy được đối tượng đề vịnh. Đối tượng chính là các hoàng đế trong sử liệu Trung Hoa thời Hán, Đường, Tống. Thông qua việc vịnh Bắc sử, Trần Anh Tông bày tỏ những quan điểm cá nhân, nêu lên quan điểm trị nước và những triết lí nhân sinh. Văn học thời Trần còn ghi nhận Phạm Sư Mạnh tham gia sáng tác thơ vịnh sử về các tướng lĩnh phương Bắc.

Đến thế kỉ XV, thơ vịnh sử Việt Nam đã có sự phát triển sang một bước ngoặt mới, đánh dấu bằng sự ra đời của thơ chữ Hán vịnh Nam sử qua *Ký Pháp vân cổ phật sự tích* của Lý Tử Tấn. Cở sở để đưa đến khẳng định này là sự phong phú, đa dạng về chủ đề sáng tác, ngôn ngữ sáng tác của giai đoạn này so với trước đó. Nhân vật không chỉ được lấy trong chính sử mà còn có cả trong truyền thuyết. Thơ vịnh sử thời Lê sơ phát triển mạnh mẽ về số lượng cũng như đối tượng đề vịnh. Riêng *Cổ tâm bách vịnh* của Lê Thánh Tông đã có dung lượng đến 100 bài. Bên cạnh các đối tượng đã được vịnh sử từ triều Trần, thơ vịnh sử thời Lê sơ còn hướng đến các đối tượng chưa được văn học đề cập nhiều trước đây như: Hoàng hậu, phi tần, tài tử, giai nhân... Đặc biệt, hình ảnh về nhân vật nữ giới đã được vịnh sử ca ngợi:

“Nhu tình ưu phụ thiết

Phó thủy cự quyền sinh

Thiên ý chiêu chiêu giám

Dao thù hiếu tử danh”

(*Tào Nga giang bi* - Lê Thánh Tông)

(Tấm lòng trẻ nhỏ thương cha tha thiết

Xăm xăm nhẩy xuống dòng sông quyết ý quyền sinh

Có trời cao sáng ngời chứng giám

Để lại mãi tiếng thơm là người con hiếu hạnh).

Không nằm ngoài nhiệm vụ của văn học thời kì này, thơ vịnh sử cũng thực hiện chức năng chính trị. Các hoàng đế mượn thơ để bày tỏ quan điểm trị nước. Khi bàn về triều đình không nên quá xa xỉ, phung phí tiền tài khi ngoài biên cương giặc đang lăm le bờ cõi, Lê Thánh Tông đã bộc lộ giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát:

“Linh trạch thân cung trượng
Ninh cung mị táo nhân”
(*Lang Cư Tư* - Lê Thánh Tông)
(Nhà cửa phủ đệ to tát cao ngất
Lẽ nào để chứa những kẻ cầu cạnh nịnh bợ).

Từ việc vay mượn thể tài đến ngôn ngữ Trung Hoa, thơ vịnh sử đã được Việt hóa bằng sáng tác chữ Nôm và đề tài Nam sử. Điều này cho thấy ý thức dân tộc đã ngày càng phát triển. Trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* có xuất hiện một số bài thơ vịnh Nam sử bằng chữ Nôm: *Xung Thiên thần vương, Chủ Đổng Tử, Lý Ông Trọng, Trung Vương...*

Các tác giả tự hào về lịch sử oai hùng trong đánh giặc giữ nước của dân tộc. Đó là truyền thuyết về làng Gióng thời Hùng Vương:

“Nghe tiếng Hùng Vương bèn nảy việc
Màng danh nghịch tặc đã kinh hồn
Vợt vàng ngựa sắt hăng di đê
Làng Gióng non Trâu miếu hãy còn”
(*Xung Thiên thần vương* - Lê Thánh Tông)

Hay sự ca ngợi tài năng của nữ giới - một điều được xem là hiếm hoi trong văn học giai đoạn này:

“Trợ dân dẹp loạn trả thù mình
Chị nhũ cùng em cất nghĩa binh
Tô Định bay hồn vang một trận
Lĩnh Nam mở cõi vững trăm thành”
(*Trung Vương* - Lê Thánh Tông)

Khẳng định thơ vịnh sử Việt Nam từ đây bước sang một bước ngoặt mới là bởi sự phong phú, đa dạng về chủ đề sáng tác, ngôn ngữ sáng tác. Nó mở ra một thời kì hoàng kim của thơ chữ Hán vịnh Nam sử từ thế kỉ XVI.

3. Nhân vật hoàng đế qua thơ vịnh sử trung đại Việt Nam sơ kì trung đại

3.1. Tán dương mẫu hình tượng hoàng đế lí tưởng

Mặc dù nắm trong tay mọi quyền lực nhưng hoàng đế phải hành xử và ứng xử thuận lòng trời, theo ý dân và cai quản bằng nền đức trị. Theo đó, hoàng đế phải là người có đức để thu phục lòng người, được muôn dân nể trọng và xem là tấm gương giáo huấn xã hội. Với mục đích giáo huấn, thể tài vịnh sử được xem là công cụ phục vụ đặc lực cho tư tưởng Nho giáo. Các triều đại quân chủ của Đại Việt giai đoạn này mặc dù đã có tinh thần tự lực tự cường, nhưng trong văn hóa diễn ngôn, họ tìm thấy từ văn hóa chính trị Trung Hoa những cơ sở vững chắc cho sự khẳng định vị thế của đế vương. Chính vì thế, các hình mẫu hoàng đế Nghiêu, Thuần từ sử liệu Trung Hoa được xem là tấm gương tiêu biểu cho tài năng, đức độ để các thiên tử Đại Việt xem là tấm gương noi theo trong công cuộc trị vì. Đường Nghiêu và Ngu Thuần là hai vị hoàng đế anh minh, thường được nhắc đến như hai tấm gương cho các nhà cầm quyền đời sau noi theo để trị nước. Dưới thời

Nghiêu Thuấn, thiên hạ thái bình, thịnh trị. Đặc biệt, hai vị hoàng đế này được tôn sùng bởi tư tưởng anh minh, tiến bộ trong việc truyền ngôi: truyền tài không truyền tự. Trong văn học sử và cả văn hóa dân gian, Nghiêu Thuấn như hai triều đại mang tính biểu tượng của thái bình thịnh trị.

Nho gia đòi hỏi người cai trị đất nước phải có nhân cách lí tưởng. Trong cụm từ “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” đã chỉ rõ muốn được “bình thiên hạ” thì thiên tử phải thực hiện việc “tu thân”. Hoàng đế phải tu thân để làm gương sáng giáo hóa dân, trở thành người truyền cảm hứng cho trăm họ noi theo. Khổng Tử quan niệm, hoàng đế muốn trị dân thì trước hết phải sửa mình và không ngừng học tập. Trong *Kinh Thi* ông viết: “Hiếu thuận a, hiếu thuận với cha mẹ; thân ái a, thân ái với anh em”. Trước tiên, hoàng đế phải có đức hiếu sinh và lòng hiếu thảo:

“Son hạ canh sừ khô

Thương tâm vọng bích vân

Quyền quyền nhân tử hiếu

Huyền đức viễn thăng văn”

(*Lịch sơn* - Lê Thánh Tông)

(Cây bừa dưới chân núi thực là cực nhọc

Lòng buồn ngược nhìn làn mây xanh

Vẫn đau đáu tấm lòng của người con hiếu thảo

Đạo đức sáng ngời ấy vẫn còn vang mãi)

Lê Thánh Tông nhắc lại câu chuyện của vua Thuấn để ca ngợi đạo đức của vị hoàng đế này. Câu “Huyền đức viễn thăng văn” là vịnh sử về truyền thuyết vua Thuấn mặc dù sống trong cảnh ở cùng mẹ ghẻ độc ác nhưng ông vẫn giữ trọn lễ nghi và lòng hiếu thảo. Hiếu đạo được xem là một trong những tiêu chuẩn để hướng đến nhân cách quân tử của Nho gia. Hơn ai hết, bậc minh quân phải làm tấm gương cho xã hội. Lão Tử trong *Đạo đức kinh* nhắc nhiều đến “Huyền đức”. Huyền đức được xem là đức trời, nếu hoàng đế đạt điều này thì mới có thể thu phục được lòng dân.

Bên cạnh việc tu thân, hoàng đế còn phải chú trọng giáo dục đạo đức cho dân. Để xây dựng một đất nước thái bình thịnh trị, hoàng đế phải có nhiệm vụ hướng thiện đến muôn dân. Trước hết, hoàng đế phải làm gương về tấm lòng nhân hậu, yêu thương dân. Vua Trần Anh Tông ca ngợi vua Hán Văn Đế nhà Hán đã khoan thư sức dân tạo nên bền vững 400 năm của nhà Hán.

“Hình thố, tô khoan diệc chí nhân

Dưỡng thành tứ bách Hán gia xuân”

(*Hán Văn Đế* - Trần Anh Tông)

(Bớt hình phạt, giảm tô thuế, cũng là bậc chí nhân

Nuôi nên bốn trăm năm nhà Hán)

Hán Văn Đế (Luu Hằng) là con thứ tư của Hán Cao Tô (Luu Bang). Đây là vị minh quân có nhiều chính sách cai trị “dân vi quý”: Khuyến nông, giảm tô thuế... xây dựng được triều đại Tây Hán thái bình, thịnh trị.

Đức hiếu sinh được hoàng đế cụ thể là việc chọn con đường đức trị, không chọn con đường pháp trị. Từ thời Trần, tư tưởng đức trị tiếp tục phát triển lên một tầm cao mới so với thời Lý. Các hoàng đế đời Trần chủ trương thực hiện “khoan thư sức dân”. Hoàng đế muốn vững vàng trên ngôi vị phải quy phục được lòng dân. Con đường quy phục lòng dân không phải theo hình thức đàn áp, bạo lực mà là thực hiện những chính sách dân bản.

Song song với việc tu thân, trau dồi đạo đức, hoàng đế phải là người có phẩm chất tài năng hơn người. Trong các sáng tác vịnh sử của vua Trần Anh Tông có thể thấy duy nhất một đối tượng nhân vật đó là hoàng đế. Vua Trần Anh Tông vịnh sử xoay quanh các phương diện vận mệnh, tài năng, đức độ, những tấm gương được lưu danh sử sách và người đời ca tụng. Trần Anh Tông ca ngợi tài năng của vua Hán Cao Tổ dẹp loạn “bình thiên hạ”:

“Tru Tàn diệt Hạng cứu sinh linh
 Giá ngự anh hùng đại nghiệp thành”
 (Hán Cao Tổ - Trần Anh Tông)
 (Phá nước Tàn diệt Hạng Vũ cứu dân chúng
 Điều khiển anh hùng thành được nghiệp lớn)

Lịch sử ghi nhận con đường đến ngôi vị đế vương của các hoàng đế phương Bắc hay Đại Việt đều diễn ra bằng những cuộc thanh trừng, đàn áp đẫm máu. Theo quan điểm Nho gia, một vị hoàng đế mẫu mực, xứng đáng cai quản trăm họ thì phải có tài phục chúng. Đến khi thống nhất giang sơn, công cuộc dựng nước đòi hỏi hoàng đế phải biết trọng dụng người tài:

“Luu thị càn khôn hỉ tái khai,
 Hạ xa tiên vụ đãi hiền tài”
 (Hán Quang Vũ - Trần Anh Tông)
 (Cơ nghiệp họ Lưu mừng được mở lại
 Việc lo trước là xuống xe đón hiền tài)

Khi hoàng đế trị quốc bằng tài năng cùng với sự dung hòa của đức độ sẽ đem đến một đất nước thái bình thịnh trị, vua sáng tôi hiền được đời sau ca tụng. Vua Hán Bình Đế đã được hậu thế ca ngợi bởi xây dựng nên một đất nước phồn vinh, nhân dân biết trọng lễ nghi:

“Nguyên Thủy khai hộc thị
 Nhai cù trưởng lục âm
 Thanh khâm nhân tự ngọc
 Trung hiếu nhất sinh tâm”
 (Hộc thị - Lê Thánh Tông)
 (Năm Nguyên Thủy mở ngôi chợ Hộc
 Đường xá nằm ở dưới bóng cây râm mát
 Những chàng áo xanh mặt đẹp như ngọc
 Cả đời giữ trọn tấm lòng trung hiếu).

Theo học thuyết đức trị vô vi, hoàng đế cần tu dưỡng đức chính để có được sự kính trọng của thần dân. Theo Khổng Tử, làm chính trị là dùng đức để cảm hoá dân, không lạm sát, hạn chế pháp gia. Chính vì thế thơ vịnh sử đã mượn các mẫu hình hoàng đế mẫu mực làm đề tài giáo huấn hậu thế và giúp các đế vương đương thời tự soi rọi lại mình từ đó làm gương trị quốc.

3.2. Phê phán mẫu hình tượng hoàng đế hôn quân

Xã hội chuyên chế tập quyền đã quy định chặt chẽ hành vi ứng xử và sáng tác của các tác gia văn học trung đại. Họ là những trí thức song trùng thân phận, là các nhà sư, nhà nho tham chính. Để củng cố sự bền vững của chế độ, những sáng tác của họ tập trung xây dựng về mẫu hình hoàng đế lí tưởng. Các trí thức Đại Việt luôn đề cao vai trò của đức trị

trong đường lối cai trị của nước ta. Theo đó, hoàng đế phải có tinh thần “đĩ đức phối thiên”, có tinh thần dân bản, lấy dân làm gốc. Nếu như Nghiêu Thuấn được xem là mẫu hình hoàng đế tiêu biểu thì Kiệt Trụ lại là kiểu hoàng đế hôn quân được đem ra phê phán, răn dạy các hoàng đế đời sau. Trong *Xuân Thu*, Đồng Trọng Thư nói: “Thiên tử bất năng phụng thiên chi mệnh, tắc phế nhi xưng công” (tức là thiên tử không phụng mệnh trời thì tất phế bỏ). Nguyễn Đình Chiểu cũng đã sử dụng những mẫu hình hoàng đế hôn quân từ sử liệu Trung Hoa làm hồi chuông cảnh báo đến những bậc đế vương vô đạo:

“Ghét đời Kiệt Trụ mê dâm
Đề dân đến nỗi sa hầm, sẩy hang”
(*Lục Vân Tiên* - Nguyễn Đình Chiểu)

Bên cạnh việc vịnh những tấm gương hoàng đế mẫu mực, thơ vịnh sử sơ kì trung đại còn đưa ra những lời khuyên nhủ khéo léo, răn đe đến người đảm đương việc thống trị bằng cách vịnh sử các nhân vật hoàng đế không có đức, tham chiến, bạo ngược. Ngoài tu thân, nếu không làm tốt việc tề gia thì không thể trị quốc. Câu chuyện về vua Tuyên Công hỏi cưới con gái nước Tề cho con trai nhưng vì đam mê nhan sắc đã nạp cô gái ấy làm thê tử. Về sau, vì người đời chê cười nên vua Tuyên Công đã vô đạo giết con:

“Nhị tử thừa chu khứ
Hà lưu thúy tự lam
Tuyên Công hôn dục tế
Cự khởi Lũng Tây tà”
(*Hà thượng* - Lê Thánh Tông)
(Hai người con ngồi thuyền ra đi
Nước dòng sông xanh biếc tựa chàm.
Vua Vệ Tuyên Công bị lòng dục hôn ám che lấp
Nên mới dẫn tới nỗi xấu hổ ở Lũng Tây)

Nhân cách của một đấng minh quân là phải quý trọng sinh mạng của con người, hạn chế việc lạm sát và chủ trương “khoan thư sức dân”. Dân là gốc rễ nên phải thương yêu, chăm lo đời sống, không được xem thường sinh mệnh và ra sức bóc lột. Những dẫn chứng thức tỉnh cho hậu thế về hình ảnh hoàng đế tàn bạo, tham dục như Tùỵ Dạng Đế được vịnh sử trong bài thơ *Giang Đô*:

“Bạo quân cư túng dục
Túng dục cách thành tai
Tạ tạ Giang Đô lạc
Không thành vạn cổ ai”
(*Giang Đô* - Lê Thánh Tông)
(Ông vua tàn bạo buông thả lòng tham dục
Vì buông thả lòng tham dục, nên cuối cùng gặp phải tai họa
Cuộc vui tung hoành buông thả ở Giang Đô
Rút cục chỉ thành một mối thương tâm muôn thuở)

Tùỵ Dạng Đế trong mười bốn năm trị vị đã thực hiện chính sách cai trị tàn bạo, đam mê tửu sắc, thực hiện thuế khoá nặng nề, dẫn đến đất nước liên tiếp diễn ra các cuộc khởi nghĩa nông dân. Và kết quả dành cho hoàng đế hung bạo này là chết dưới tay của một tướng lĩnh cầm quân.

Đó còn là những hình ảnh các vị hoàng đế hiếu chiến, thích xa hoa, xây dựng đền đài lăng tẩm tổn hại sức người, sức của:

“Cùng đọc can qua thổ mộc hưng
 Đạo Tần phúc triệt bất Tần băng
 Cam Tuyền lộ lãnh tiên nhân chưởng
 Thanh thảo thê thê ám Mậu Lãng”
 (Hán Vũ Đế - Trần Anh Tông)
 (Dốc sức chiến chinh, dựng cung điện
 Đi theo vết xe đổ nhà Tần mà không bị đổ như nhà Tần
 Nước chảy trên mâm ngọc ở cung Cam Tuyền làm lạnh tay tiên
 Cỏ xanh trùm lum che kín Mậu Lãng)

Bên cạnh những bậc minh quân sáng suốt biết trọng dụng nhân tài thì cũng không ít bậc đế vương mất nước vì không phân biệt được thiện - ác. Vua Tề Hoàn Công đến nước Quách hỏi nguyên nhân vì sao nước mất được một phụ lão đáp vua Quách “biết yêu người thiện mà không dùng, ghét người ác mà không bỏ”:

“Bảo bang vong khử ác
 Nguyên trị bất thân hiền
 Dẫn dẫn quy vu loạn
 Chung nan thiệp đại xuyên”
 (Quách Thị khư - Lê Thánh Tông)
 (Muốn giữ gìn đất nước mà quên trừ bỏ kẻ ác
 Mong đất nước thịnh trị mà không gần gũi người hiền
 Đất nước dần dà rồi sẽ chìm trong họa loạn
 Cuối cùng sẽ không thể vượt qua sông lớn)

Sự nghiệp trị quốc của hoàng đế được đánh giá nhiều góc độ, trong đó việc nhân nghĩa, đạo đức được xem là giá trị cốt lõi. Tuy nhiên, nhiều hoàng đế khi thống nhất giang sơn lại quên mất những cận vệ trung thành đã vào sinh ra tử. Từ đó tiếng xấu đã ghi danh sử sách được đời sau nhắc lại như sự nhắc nhở các bậc đế vương đương thời:

“Trùng Nhĩ tương quy quốc
 Tông vong bị sủng vinh
 Quân vương ân nghĩa bạc
 Giới Tử bất cầu sinh”
 (Miên Thượng điền - Lê Thánh Tông)
 (Công tử Trùng Nhĩ trở về khôi phục được nước
 Những người tông vong đi theo đều được ban thưởng vẻ vang
 Ân nghĩa của bậc quân vương thật bạc bẽo
 Nên Giới Tử Thôi mới không cầu sống vinh hoa)

Thuở tông vong, Giới Tử Thôi từng cắt thịt đùi cho Tấn Văn Công ăn qua cơn đói. Đến khi lập thân kiến quốc, Tấn Văn Công đối xử phụ bạc và đốt cháy Giới Tử Thôi trong rừng. Câu chuyện về địa danh núi Miên Thượng là bài học sâu sắc cho các bậc đế vương về nhân nghĩa.

Với vai trò hỗ trợ đắc lực cho Nho giáo, thơ vịnh sử đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc vịnh sử các nhân vật hoàng đế. Qua thơ vịnh sử, nhân vật hoàng đế thể hiện rõ hai hình ảnh đối lập là tán dương và phê phán. Mặc dù thơ vịnh sử thế kỉ X - XV phần lớn vịnh Bắc sử và bàn về các nhân vật hoàng đế Trung Hoa, nhưng đó cũng là những chuẩn mực để các hoàng đế Đại Việt tham chiếu, tự nhắc nhở chính mình. Trong

đó, Nghiêu Thuấn là hình mẫu chuẩn mực về nhân vật hoàng đế theo quan điểm Nho giáo mà các hoàng đế phương Nam luôn hướng đến.

4. Kết luận

Giai đoạn thế kỷ X - XV, xã hội Việt Nam đang từng bước xây dựng chính quyền tự chủ và đạt đến cực thịnh vào thời Lê sơ. Hoàng đế với vai trò là trung tâm của xã hội quân chủ đã trở thành đối tượng cho các sáng tác văn học trong một giai đoạn văn hoá chính trị được đặt ở vị trí hàng đầu.

Có thể thấy thơ vịnh sử sơ kì trung đại đã từng bước phát triển và giữ vai trò khá quan trọng trong đời sống văn học dân tộc. Từ khi xuất hiện cho thế kỉ XV, thơ vịnh sử ngày càng phát triển về đối tượng sáng tác cũng như đối tượng đề vịnh. Nhưng nhìn chung hoàng đế vẫn là đối tượng chính của thơ vịnh sử giai đoạn này. Mặc dù đối tượng phản ánh vẫn là những nhân vật hoàng đế từ sử liệu Trung Hoa nhưng qua việc đề vịnh đã cho thấy được những lí tưởng, khát vọng của các hoàng đế Đại Việt. Những hình mẫu hoàng đế mẫu mực như Nghiêu Thuấn là tấm gương để các hoàng đế phương Nam tự trau dồi và noi theo trong hành trình thống ngự ngai vàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Huệ Chi (1977). *Thơ văn Lý - Trần*, tập I. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Biện Minh Điền (2015). *Loại hình văn học trung đại Việt Nam*. Nghệ An: NXB Trường Đại học Vinh.
- Bùi Duy Tân (Chủ biên). (2007). *Hợp tuyển văn học trung đại (Thế kỉ X - XIX)*, tập II. Đà Nẵng: NXB Giáo dục.
- Trần Nho Thìn (2008). *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Trần Ngọc Vương (1997). *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

SUMMARY

EMPEROR CHARACTER IN THE VIETNAMESE HISTORICAL POETRY FROM THE TENTH TO THE FIFTEENTH CENTURY

In the Middle Ages, historical poetry was considered as a typical composition of Confucian literature in East Asian countries such as China, Japan, Korea, Vietnam, etc. It was initially written in the 13th century and gradually took a significant place in Vietnamese Medieval literature. For the purpose of education, Emperors composed historical poetry as a way to enlighten themselves as well as the courtiers. Latterly, under the change of historical context and society, this type of poetry has experienced a lot of improvements conformably to the era.

Keyword: The Middle Ages; historical poetry; Confucian literature.